

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 31 /2016/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 10 năm 2016

### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ học nghề đối với lao động thuộc diện chính sách, xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH & XÃ HỘI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	
Số: <u>1896</u>	
<b>ĐẾN</b> Ngày: <u>14.10.16</u>	
Chuyên: <u>Căn</u>	<u>cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19</u>
Lưu hồ sơ số: <u>tháng 6 năm 2015;</u>	

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;*

*Căn cứ Luật giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH 13 ngày 27 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật giáo dục nghề nghiệp;*

*Căn cứ Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”; Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”;*

*Căn cứ Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ học nghề đối với lao động thuộc diện chính sách, xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

**Điều 2.** Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định nêu trên.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2016 và bãi bỏ các Quyết định số 22/2011/QĐ-UBND ngày 22/8/2011 của UBND thành phố quy định chính sách hỗ trợ học nghề, chuyển đổi ngành nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Quyết

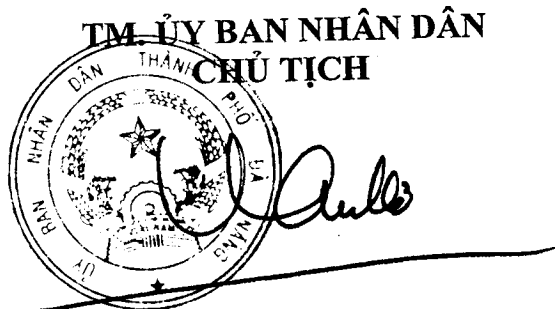
định số 24/2011/QĐ-UBND ngày 22/8/2011 của UBND thành phố quy định chính sách hỗ trợ học nghề, chuyển đổi ngành nghề, giải quyết việc làm, ổn định đời sống đối với đối tượng thuộc diện di dời, giải tỏa, thu hồi đất sản xuất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 07/4/2014 sửa đổi Khoản 1, Điều 6 của Quyết định số 24/2011/QĐ-UBND ngày 22/8/2011; Quyết định số 25/2011/QĐ-UBND ngày 22/8/2011 của UBND thành phố Quy định chính sách hỗ trợ học nghề trình độ sơ cấp đối với lao động thuộc diện chính sách, xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và Quyết định số 40/2013/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 25/2011/QĐ-UBND ngày 22/8/2011 của UBND thành phố Đà Nẵng.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố; Chủ tịch UBND các quận, huyện, phường, xã, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /ng'

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ LĐ-TB&XH; Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TV-TU, TT HĐND thành phố;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND TP;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- UBNDTTQ thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- UBND các quận, huyện; xã, phường;
- Trung tâm THVN tại ĐN
- Đài PTTH ĐN; Báo Đà Nẵng;
- Công thông tin điện tử TP;
- Lưu VT, KGVX.

140



**Huỳnh Đức Thơ**

**QUY ĐỊNH**

**Chính sách hỗ trợ học nghề đối với lao động thuộc diện chính sách, xã hội  
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 11 /2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10  
năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này điều chỉnh về đối tượng, chính sách hỗ trợ, trách nhiệm của các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện hỗ trợ lao động thuộc diện chính sách, xã hội học nghề trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Lao động thuộc diện chính sách, xã hội bao gồm các đối tượng sau:

1. Nhóm 1: Lao động là người khuyết tật.
2. Nhóm 2: Lao động là người dân tộc thiểu số nghèo.
3. Nhóm 3:
  - Lao động là người dân tộc thiểu số;
  - Lao động là người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật;
  - Lao động thuộc hộ nghèo;
  - Lao động trong các hộ thuộc diện di dời, giải tỏa, thu hồi đất sản xuất;
  - Lao động trong các hộ bị thu hồi đất nông nghiệp; đất kinh doanh;
  - Lao động nữ bị mất việc làm;
  - Lao động là ngư dân.
4. Nhóm 4: Lao động thuộc hộ cận nghèo.
5. Nhóm 5:
  - Lao động nữ;
  - Lao động nông thôn thuộc huyện Hòa Vang và các quận trên địa bàn thành phố Đà Nẵng có lao động sản xuất nông - lâm nghiệp - ngư nghiệp (trừ ngư dân);
  - Lao động là người nghiện ma túy đã được cai nghiện, người hoạt động mại dâm hoàn lương;
  - Lao động là thanh thiếu niên hư, vi phạm pháp luật; học sinh bỏ học.

### **Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ**

1. Mỗi lao động là đối tượng của chính sách chỉ được hỗ trợ học nghề một lần để giải quyết việc làm, chuyển đổi ngành nghề.

2. Việc hỗ trợ kinh phí dạy nghề thông qua cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đang hoạt động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo quy định hiện hành của Nhà nước, được thành phố lựa chọn tham gia dạy nghề cho người lao động.

3. Trong trường hợp lao động là đối tượng của Quyết định được hưởng chính sách hỗ trợ học nghề của nhiều chương trình thì được hưởng chính sách hỗ trợ thuộc chương trình nào có mức hỗ trợ cao nhất.

4. Những người đã được hỗ trợ học nghề nhưng bị mất việc làm do nguyên nhân khách quan thì được UBND xã, phường xem xét, quyết định tiếp tục hỗ trợ học nghề theo chính sách này để chuyển đổi việc làm nhưng tối đa không quá 03 lần.

5. Đối với đối tượng là người lao động bị thu hồi đất được hưởng chính sách hỗ trợ trong thời hạn 5 năm kể từ ngày có Quyết định thu hồi đất.

6. Các đối tượng đang được hỗ trợ đào tạo nhưng chưa hết thời gian đào tạo khi Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục được hỗ trợ theo mức quy định tại Quyết định này.

### **Điều 4. Nghề đào tạo và mức hỗ trợ**

1. Danh mục nghề đào tạo và mức hỗ trợ tại Phụ lục kèm theo Quyết định này

2. Căn cứ nhu cầu việc làm và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố theo từng giai đoạn, UBND thành phố quyết định sửa đổi, bổ sung danh mục nghề và mức hỗ trợ cho phù hợp.

3. Lao động là người khuyết tật tham gia học các lớp đào tạo chuyên biệt thì được hỗ trợ gấp 1,5 lần định mức hỗ trợ theo danh mục nghề đào tạo và mức hỗ trợ tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

## **Chương II**

### **CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ**

#### **Điều 5. Hỗ trợ chi phí học nghề ngắn hạn (trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng)**

Người lao động là đối tượng của Quyết định, có hộ khẩu thường trú tại thành phố Đà Nẵng, trong độ tuổi lao động, có nhu cầu học nghề, đủ điều kiện xét tuyển vào các khoá học nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng, bao gồm các đối tượng theo thứ tự ưu tiên và mức hỗ trợ như sau:

- Lao động thuộc Nhóm 1: Mức hỗ trợ tối đa 06 triệu đồng/người/khóa học và chỉ áp dụng đối với người khuyết tật tham gia học các lớp đào tạo chuyên biệt. Đối với lao động là người khuyết tật tham gia học các lớp đào tạo hòa nhập thì được hỗ trợ theo danh mục nghề đào tạo và mức hỗ trợ tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

- Lao động thuộc Nhóm 2: Mức hỗ trợ tối đa 04 triệu đồng/người/khóa học;
- Lao động thuộc Nhóm 3: Mức hỗ trợ tối đa 03 triệu đồng/người/khóa học;
- Lao động thuộc Nhóm 4: Mức hỗ trợ tối đa 2,5 triệu đồng/người/khóa học;
- Lao động thuộc Nhóm 5: Mức hỗ trợ tối đa 02 triệu đồng/người/khóa học;

Đối với những nghề được ban hành tại Phụ lục kèm theo Quyết định này có quy định mức hỗ trợ lớn hơn mức hỗ trợ tối đa theo từng nhóm đối tượng thì chỉ được hỗ trợ bằng mức tối đa theo từng nhóm đối tượng.

#### **Điều 6. Hỗ trợ học nghề dài hạn (trình độ trung cấp và cao đẳng)**

- Lao động nông thôn học nghề dài hạn được vay để học theo quy định hiện hành về tín dụng đối với học sinh, sinh viên. Lao động nông thôn làm việc ổn định ở nông thôn, sau khi học nghề được ngân sách hỗ trợ 100% lãi suất đối với khoản vay để học nghề. Nội dung này được thực hiện từ nguồn vốn vay ưu đãi cho học sinh, sinh viên theo quy định.

- Lao động nông thôn là người dân tộc thiểu số thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật tham gia học trung cấp, cao đẳng nghề được hưởng chính sách dạy nghề đối với học sinh dân tộc thiểu số nội trú theo quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Lao động trong các hộ thuộc diện di dời, giải tỏa, thu hồi đất sản xuất được UBND thành phố giao chỉ tiêu hằng năm thông qua các cơ sở dạy nghề để tổ chức dạy nghề trình độ trung cấp và cao đẳng nghề theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

#### **Điều 7. Hỗ trợ tiền ăn và tiền đi lại**

1. Đối tượng được hỗ trợ: Người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh; lao động nữ bị mất việc làm.

2. Mức hỗ trợ:

a) Mức hỗ trợ tiền ăn 30.000 đồng/người/ngày thực học.

b) Mức hỗ trợ tiền đi lại theo giá vé giao thông công cộng với mức tối đa không quá 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật mức hỗ trợ tiền đi lại 300.000 đồng/người /khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5km trở lên.

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **Điều 8. Nguồn kinh phí hỗ trợ**

Từ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách thành phố và kinh phí hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và các nguồn huy động tài trợ hợp pháp khác.

##### **Điều 9. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các ngành, địa phương liên quan xây dựng kế hoạch và tổng hợp dự toán, trình UBND thành phố

phê duyệt trước ngày 10/7 hằng năm để làm cơ sở thực hiện và phân bổ dự toán ngân sách đầu năm đúng theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

2. Chủ trì hướng dẫn các ngành, địa phương, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chính sách hỗ trợ học nghề cho lao động là đối tượng của Quyết định.

3. Phối hợp với Sở Ngoại vụ, các ngành liên quan và các địa phương vận động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia hỗ trợ các hoạt động dạy nghề, tạo việc làm cho người lao động là đối tượng của Quyết định.

4. Phối hợp với các cơ sở dạy nghề, các ngành, địa phương, các doanh nghiệp, các đơn vị sử dụng lao động ưu tiên tiếp nhận lao động là đối tượng của Quyết định tại địa phương vào làm việc.

#### **Điều 10. Sở Tài chính**

Hằng năm, tại thời điểm xây dựng dự toán, trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị, địa phương, Sở Tài chính kiểm tra, tổng hợp vào dự toán chi ngân sách thành phố, báo cáo UBND thành phố trình HĐND thành phố xem xét, phê duyệt theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

#### **Điều 11. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trong việc phân bổ kinh phí dạy nghề miễn phí hàng năm theo đề xuất của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

#### **Điều 12. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức đào tạo các nghề nông, lâm, thủy sản.

Chủ trì, phối hợp với các sở ban ngành, hội đoàn thể đẩy mạnh các chương trình khuyến nông, lâm, ngư; tăng cường chuyển giao kỹ thuật, mở các lớp huấn luyện kỹ thuật nuôi trồng sinh vật cảnh, dạy nghề ngắn hạn cho nông dân thuộc đối tượng của Quyết định.

#### **Điều 13. Sở Giáo dục và Đào tạo**

Thực hiện phân luồng học sinh, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan có liên quan tuyên truyền, vận động học sinh thuộc đối tượng của Quyết định tham gia học nghề, giải quyết việc làm.

#### **Điều 14. Sở Ngoại vụ**

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các ngành liên quan và các địa phương vận động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia hỗ trợ các hoạt động giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm cho lao động là đối tượng của Quyết định.

#### **Điều 15. Sở Thông tin và Truyền thông**

Chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí tuyên truyền về các chính sách hỗ trợ người lao động trong Quyết định này, vận động người lao động là đối tượng của Quyết định tham gia học nghề, giải quyết việc làm.

**Điều 16. Ban Quản lý các Khu công nghiệp và Chế xuất, Ban quản lý các Dự án giải tỏa đền bù, Ban quản lý Khu công nghệ cao Đà Nẵng**

Vận động doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, Khu công nghệ cao tại Đà Nẵng và doanh nghiệp được giao đất tại các vùng di dời, giải tỏa tiếp nhận lao động là đối tượng của Quyết định vào làm việc.

**Điều 17. UBND các quận, huyện**

Xây dựng kế hoạch đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho các đối tượng của Quyết định hàng năm và 05 năm để phối hợp với các ngành liên quan triển khai thực hiện có hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Đề xuất danh mục nghề nông nghiệp, nghề phi nông nghiệp; khảo sát nhu cầu học nghề nông nghiệp, phi nông nghiệp gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, trình UBND thành phố bố trí kinh phí.

**Điều 18. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh thành phố**

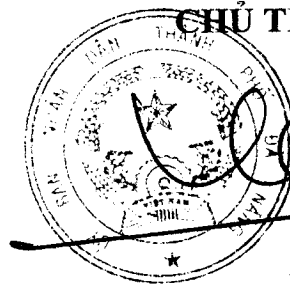
Trong phạm vi hoạt động của mình vận động hướng dẫn đoàn viên, hội viên học nghề, tạo việc làm.

**Điều 19.** Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các quận, huyện và các cơ quan liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, tổ chức triển khai thực hiện Quyết định; định kỳ 06 tháng (10/7) và hàng năm (10/1 năm sau) đánh giá kết quả thực hiện, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo UBND thành phố.

Hàng năm, cùng thời điểm lập dự toán thu, chi ngân sách thành phố, các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện các nội dung của chính sách này lập dự toán kinh phí và tổng hợp chung trong dự toán chi ngân sách của cơ quan, đơn vị, gửi cơ quan tài chính cùng cấp trước ngày 15/7 để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định hiện hành về lập dự toán ngân sách nhà nước.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh bằng văn bản về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, tổng hợp, trình UBND thành phố xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Huỳnh Đức Thơ**



**Phụ Lục**

**DANH MỤC NGHỀ VÀ MỨC HỖ TRỢ HỌC NGHỀ ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG THƯỜNG DIỆN CHÍNH SÁCH, XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 31 /2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)*

TT	Danh mục nghề	Thời gian đào tạo tối thiểu (tháng/khoá)	Mức hỗ trợ (đồng/người/khoá)
1	Điện lạnh	6	2.700.000
2	Sửa chữa máy vi tính	4	3.000.000
3	Trồng nấm ăn	3	1.500.000
4	Thêu thủ công	5	2.500.000
5	Trồng hoa cây cảnh	3	2.000.000
6	Điêu khắc đá mỹ nghệ	5	2.500.000
7	Chăm sóc sắc đẹp	3	2.000.000
8	Lễ tân	3	2.000.000
9	Máy công nghiệp	3	1.600.000
10	Máy dân dụng	4	2.000.000
11	Điện công nghiệp	4	3.000.000
12	Điện dân dụng	4	3.000.000
13	Điện tử	6	2.400.000
14	Cơ khí (tiện, phay, bào)	5	3.300.000
15	Gò	3	2.000.000
16	Hàn	3	2.500.000
17	Nấu ăn	3	2.500.000
18	Buồng, bàn, pha chế	3	2.000.000
19	Mộc công nghiệp và dân dụng	5	2.500.000
20	Mây tre đan	3	1.600.000
21	Kỹ thuật xây dựng (nề)	6	2.700.000
22	Vận hành máy thi công	6	2.500.000
23	Sửa chữa xe gắn máy	4	3.000.000
24	Sửa chữa điện thoại di động	4	3.000.000
25	Dịch vụ giúp việc gia đình, chăm sóc người già	3	1.500.000
26	Bảo vệ chuyên nghiệp (vệ sĩ)	3	1.000.000
27	Nuôi trồng, khai thác thủy sản	3	2.500.000
28	Nuôi gia súc, gia cầm	3	2.500.000
29	Kỹ thuật trồng rau sạch, trồng cây ăn quả	4	1.900.000



30	Thuyền trường (hạng 4)	4	2.200.000
31	Máy trường (hạng 4)	4	2.200.000
32	Thú y	3	2.500.000
33	Sửa chữa ô tô	6	3.500.000
34	Thiết kế Web	5	3.000.000
35	Thiết kế đồ họa	6	4.000.000
36	Quản trị hệ thống mạng	4	3.000.000
37	Bánh kem	3	2.500.000
38	Cắm hoa	3	2.500.000
39	Nghiệp vụ buồng phòng	2	1.600.000
40	Kỹ thuật phục vụ bàn	2	1.600.000
41	Kỹ thuật pha chế	2	1.600.000
42	Kỹ thuật cắt, tía, điêu khắc trên củ quả	2	1.300.000